

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **111/2022/HN-ST**

Ngày: 28/3/2022

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tâm**

+ Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 349/2021/TLST-HN ngày 30/12/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Diễm H**, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Trương Phước S**, sinh năm xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn ngày 10/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H trình bày:* Chị H và anh S kết hôn vào năm 2015 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiểng Phước. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay tranh cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh S sống ly thân nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin được ly hôn

với anh S.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Băng D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Phạm Thiên M, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện các con đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có

* Bị đơn anh Trương Phước S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh S. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trương Thị Băng D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Phạm Thiên M, sinh ngày xx/xx/xxxx và yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H yêu cầu ly hôn với anh S và yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trương Thị Băng D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Phạm Thiên M, sinh ngày xx/xx/xxxx, yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Kiểng Phước. Nay chị H xin ly hôn với anh S. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn anh Trương Phước S trú tại địa chỉ: ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Trương Phước S đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Diễm H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh S do quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay tranh cãi nhau, anh S không lo làm ăn và không quan tâm đến đến vợ con. Chị H và anh S có thời gian ly thân từ tháng 09/2019 đến nay, trong thời gian ly thân chị và anh S đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh S vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H, chứng tỏ anh S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trương Thị Băng D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Phạm Thiên M, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện các con đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu D và cháu M hiện đang sống ổn định với chị H và anh S cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con của chị H nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu D và cháu M cho chị H nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng, chị H yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hai cháu D và Minh theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này của chị H là có cơ sở vì Hội đồng xét xử giao chị H nuôi dưỡng hai con chung là cháu D và cháu M. Anh S không trực tiếp nuôi con nên anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật mức cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000 đồng/ cháu tương đương 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Do đó anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng là 1.490.000 đồng/ 02 cháu, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Diễm H.

[[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm H được ly hôn với anh Trương Phước S.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Băng D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Phạm Thiên M, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Lê Thị Diễm H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi lao động được.

Anh Trương Phước S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu D và Minh mỗi tháng là **1.490.000** đồng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)/ 02 cháu, bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu D và Minh đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị H và anh S có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007500 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị H đã nộp xong án phí.

Anh Trương Phước S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh S vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Kiểng Phước;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên

